

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NINH THUẬN**

Số: 128 /CNNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
2. Mã chứng khoán: NNT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 14 Tô Hiệu, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
4. Điện thoại: 0944.851.719 Fax: 0259.3820350
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Hữu Hùng**
6. Nội dung thông tin công bố:
Tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TC-HC.



Nguyễn Hữu Hùng



Đình Ân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
Số 14 Đường Tô Hiệu, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: (0259) 3820350 - Fax: (0259) 3820350

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, chi tiết như sau:

1. Thời gian: 08 giờ 00, Thứ Tư, ngày 28 tháng 4 năm 2021

2. Địa điểm: Long Thuận Resort

3. Địa chỉ: Số 01 Yên Ninh, Bãi biển Bình Sơn - Ninh Chữ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

4. Đối tượng tham dự Đại hội:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 05/4/2021.

5. Nội dung chính của Đại hội:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 nhiệm kỳ III (2019-2024);

- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;

- Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;

- Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020;

- Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021;

- Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;

- Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

- Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021;

- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

6. Tài liệu Đại hội:

- Quý Cổ đông vui lòng tải toàn bộ tài liệu Đại hội trên website <http://capnuocninhthuan.com/QuanHeCoDong.aspx> (phần Tin doanh nghiệp công bố).

7. Đăng ký tham dự Đại hội:

- Đề công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự/ ủy quyền tham dự Đại hội trước **16 giờ 00 ngày 26/4/2021** và gửi về:

Phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận
Số 14 Đường Tô Hiệu, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: (0259) 3820350 – 0944 851719 gặp anh Nguyễn Hữu Hùng
(Thư ký Công ty)

Email: capnuocninhthuan@niwaco.com.vn

Quý cổ đông vui lòng có mặt đúng giờ, mang theo *Thư mời, Giấy xác nhận tham dự, CMND/CCCD/hộ chiếu (bản chính)*. Trường hợp được ủy quyền, người đại diện tham dự vui lòng mang theo *Giấy ủy quyền (bản chính), Thư mời họp của người ủy quyền, Giấy xác nhận tham dự, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính)* khi đến tham dự đại hội.

Thông báo này thay cho Thư mời trong trường hợp Quý cổ đông có quyền dự họp nhưng chưa nhận được Thư mời.

Trân trọng!

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2021



THƯ MỜI

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông:

Địa chỉ:...

Số đăng ký sở hữu: ...

Mã số tham dự:

Số cổ phần tham dự: ... cổ phần

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, với chi tiết như sau:

- **Thời gian:** 08 giờ 00, Thứ Tư, ngày 28 tháng 4 năm 2021
- **Địa điểm:** Long Thuận Resort
- **Địa chỉ:** Số 01 Yên Ninh, Bãi biển Bình Sơn - Ninh Chữ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- **Đối tượng:** Cổ đông sở hữu cổ phần được xác định theo danh sách chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 05/4/2021.
- **Chương trình Đại hội và tài liệu Đại hội:** Được công bố trên website Công ty tại địa chỉ: <http://capnuocninhthuan.com/QuanHeCoDong.aspx> (phần **Tin doanh nghiệp công bố**) từ ngày 07/4/2021.
- **Xác nhận tham dự/Ủy quyền tham dự:** Để thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự về Công ty hoặc fax/email **trước 16 giờ ngày 26/4/2021**, cụ thể:
 - Phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận
 - + Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 - + Điện thoại: (0259) 3820350, Fax: (0259) 3820350
 - + Người liên hệ: Ông Nguyễn Hữu Hùng - chức vụ: Trưởng phòng TC – HC kiêm Thư ký Công ty.
 - + Email: hungniwaco@gmail.com.
 - + Số điện thoại: 0944. 851.719
- **Thủ tục tham dự Đại hội:** Quý cổ đông vui lòng có mặt đúng giờ, mang theo *Thư mời họp, Giấy xác nhận tham dự Đại hội, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính)*.

Trường hợp được ủy quyền, vui lòng mang theo *Giấy ủy quyền (bản chính), Thư mời họp, Giấy xác nhận tham dự và CMND/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính)*.

Trân trọng kính mời!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Sơn



**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

1. Họ tên cổ đông:

Số ĐKSH:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Mã số tham dự:

Số lượng cổ phần sở hữu:**cổ phần**

Địa chỉ:

2. Đại diện được ủy quyền (nếu có):...

Số ĐKSH:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Tôi/chúng tôi xác nhận đã đăng ký cổ đông với Ban thẩm tra tư cách cổ đông và trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được tổ chức vào lúc 08 giờ 00, Thứ Tư, ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Trân trọng.

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2021
CỔ ĐÔNG / ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đối tượng tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/4/2021.
- Số Đăng ký sở hữu (ĐKSH):
- + Đối với cá nhân trong nước: Số Chứng minh nhân dân, Số Căn cước công dân.
- + Đối với tổ chức trong nước: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế
- + Đối với cá nhân/ tổ chức nước ngoài: Mã số giao dịch chứng khoán (trading code).
- Trường hợp được ủy quyền, người được ủy quyền vui lòng điền thông tin mục 2 và cung cấp Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty hoặc Giấy ủy quyền hợp lệ cho Công ty theo quy định.
- Cổ đông/Đại diện được ủy quyền vui lòng mang theo Giấy xác nhận tham dự này và nộp cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông trước khi vào phòng họp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

—o0o—



GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN (NNT)

Bên ủy quyền:

Cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số Visa số: Cấp ngày: Nơi cấp:

Địa chỉ: Điện thoại:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của NNT.

Ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền:

Tên cá nhân/ tổ chức:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số Visa/Giấy CNĐKDN/QĐ thành lập số:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Địa chỉ: Điện thoại:

Thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, tham gia đóng góp ý kiến và bầu cử, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết thúc.

Ngày ... tháng ... năm 2021

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Ngày ... tháng ... năm 2021

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba và phải trình Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Số Visa bản chính khi đi dự họp kèm Thư mời họp của người ủy quyền.
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người, một lần toàn bộ số cổ phần sở hữu, ngoại trừ cổ đông là tổ chức thì được ủy quyền theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Giấy ủy quyền vui lòng gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo địa chỉ: Số 14 Đường Tô Hiệu, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Điện thoại: (0259) 3820350, Fax: (0259) 3820350 trước 16 giờ 00 ngày 26/4/2021 hoặc gửi cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông trước khi vào phòng tham dự Đại hội (ngày 28/4/2021).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

—o0o—

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN (NNT)

Bên ủy quyền:

Cổ đông:

Giấy CNĐKDN/QĐ thành lập số: Cấp ngày: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ: Điện thoại:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của NNT.

Ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền:

Tên cá nhân/ tổ chức:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số Visa/Giấy CNĐKDN/QĐ thành lập số:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Địa chỉ: Điện thoại:

Thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, tham gia đóng góp ý kiến, bầu cử và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết thúc.

Ngày ... tháng ... năm 2021

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Ngày ... tháng ... năm 2021

BÊN ỦY QUYỀN

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

CỦA CỔ ĐÔNG TẠI NNT (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba và phải trình Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/ Số Visa bản chính khi đi dự họp kèm Thư mời họp của người ủy quyền.
- Bên ủy quyền (Tổ chức) phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và có đóng dấu của tổ chức.
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người, một lần toàn bộ số cổ phần sở hữu, ngoại trừ cổ đông là tổ chức thì được ủy quyền theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Giấy ủy quyền vui lòng gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo địa chỉ: Số 14 Đường Tô Hiệu, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Điện thoại: (0259) 3820350, Fax: (0259) 3820350 trước 16 giờ 00 ngày 26/4/2021 hoặc gửi cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông trước khi vào phòng tham dự Đại hội (ngày 28/4/2021).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

—o0o—



**GIẤY ỦY QUYỀN ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN (NNT)

Bên ủy quyền:

TT	Họ tên	Số CMND/Hộ chiếu/ CCCD/Số Visa/Giấy CNDKDN/QĐ thành lập	Số cổ phần ủy quyền đại diện	Chữ ký

Bên được ủy quyền:

Tên cá nhân/ tổ chức:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu /Số Visa/Giấy CNDKDN/ QĐ thành lập số:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Địa chỉ: Điện thoại:

Bên được ủy quyền thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, tham gia đóng góp ý kiến và bầu cử, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết thúc.

Ngày ... tháng ... năm 2021

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Ngày ... tháng ... năm 2021

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Bên được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba và phải trình Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Số Visa bản chính khi đi dự họp kèm Thư mời họp của người ủy quyền.
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người, một lần toàn bộ số cổ phần sở hữu, ngoại trừ cổ đông là tổ chức thì được ủy quyền theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp số số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Giấy ủy quyền vui lòng gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo địa chỉ: Số 14 Đường Tô Hiệu, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Điện thoại: (0259) 3820350, Fax: (0259) 3820350 trước 16 giờ 00 ngày 26/4/2021 hoặc gửi cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông trước khi vào phòng tham dự Đại hội (ngày 28/4/2021).

CHƯƠNG TRÌNH HỌP**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Thời gian dự kiến	Nội dung chương trình
7h30 - 8h00	Đón tiếp và xác nhận tư cách cổ đông tham dự
8h00 - 8h10	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
8h10 - 8h15	Báo cáo Kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
8h15 - 8h20	Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội
8h20 - 8h30	Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu
8h30 - 8h35	Thông qua Chương trình Đại hội
8h35 - 8h45	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;
8h45 - 8h50	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 nhiệm kỳ III (2019-2024)
8h50 - 9h00	Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
9h00 - 9h10	Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán
9h10 - 9h15	Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020
9h15 - 9h25	Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021
9h25 - 9h45	Nghỉ giải lao
9h45 - 9h55	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
9h55 - 10h00	Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
10h00 - 10h05	Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021
10h05 - 10h35	Thảo luận và đóng góp ý kiến về các Báo cáo, tờ trình
10h35 - 10h45	Hướng dẫn biểu quyết thông qua các Báo cáo, tờ trình và giải lao tại chỗ
10h45 - 10h50	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường

Thời gian dự kiến	Nội dung chương trình
	niên năm 2021
10h50 - 11h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội

Mã số tham dự :

Tên cổ đông



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Số cổ phần biểu quyết:

... CỐ PHẦN

Sở hữu: ... Cổ phần

Ủy quyền: ... Cổ phần

MẪU**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN****THẺ BIỂU QUYẾT**

Tên cổ đông:

Mã số tham dự:

Số lượng cổ phần tham dự: cổ phần

Sau khi nghiên cứu nội dung các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, Tôi/Chúng tôi có ý kiến biểu quyết từng vấn đề như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
	Đánh dấu ở trên cùng nếu biểu quyết tất cả nội dung	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 nhiệm kỳ III (2019-2024)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba ý kiến: *Đồng ý*, *Không đồng ý*, *Không ý kiến* cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN*(Ký/ghi rõ họ tên)*

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 05/4/2021 được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được quyền tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết tại Đại hội.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.

4. Khi tiến hành đăng ký tham dự đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số tham dự, họ và tên của cổ đông; họ và tên người được ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4.1 Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản, Nghị quyết Đại hội và một số vấn đề phát sinh ngay tại Đại hội.

- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Đồng ý hoặc Không Đồng ý hoặc Không có ý kiến.

Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo hoặc tích (X hoặc ✓) vào ô Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác... khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào



hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

- Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhằm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/ đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.

5. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Đồng ý, Không Đồng ý, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

7. Thẻ lệ biểu quyết:

- Các vấn đề biểu quyết tại đại hội được biểu quyết bằng phiếu biểu quyết được thông qua khi có tối thiểu 65% tổng số phiếu bầu của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

- Các vấn đề biểu quyết tại đại hội được biểu quyết bằng thẻ biểu quyết được thông qua khi có tối thiểu 65% tổng số phiếu bầu của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, bao gồm những nội dung sau:

+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;

+ Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 nhiệm kỳ III (2019-2024) ;

+ Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;

- + Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- + Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020;
- + Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021;
- + Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 ;
- + Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- + Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021.

8. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

9. Thê lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Thê lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.



Phạm Hữu Sơn

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận năm 2020 gồm 5 thành viên, thay mặt Hội đồng quản trị, Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của hội đồng quản trị trong năm qua và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

1. Đánh giá tình hình chung năm 2020:

*** Thuận lợi:**

Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận hoạt động trong điều kiện tương đối thuận lợi, doanh thu ổn định và có chiều hướng phát triển.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của UBND Tỉnh, các Sở, Ban ngành liên quan;

Đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động trong Công ty đoàn kết, thống nhất mục tiêu hướng đến lợi ích chung của đơn vị.

*** Khó khăn:**

Trong điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, các khu vực kinh tế công nghiệp, dịch vụ trong Tỉnh chưa phát triển mạnh nên các hoạt động sản xuất và dịch vụ sử dụng nguồn nước Công ty chưa có sự tăng trưởng đáng kể, dịch vụ cấp nước chủ yếu phục vụ cho mục đích sinh hoạt của nhân dân.

Giá vật tư, nguyên nhiên liệu tăng, tình trạng hạn hán kéo dài nguồn nước đầu nguồn bị ảnh hưởng, dẫn đến chi phí sản xuất nước của Công ty tăng.

2. Kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2020

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã giao các chỉ tiêu cho HĐQT trong năm 2020 & kết quả thực hiện như sau:

Chỉ tiêu doanh thu:

Kế hoạch năm 2020 là 177,3 tỷ, thực hiện đạt 194,3 tỷ, tăng 10% so với kế hoạch năm và tăng trưởng 7% so với thực hiện năm 2019.

Sản lượng nước ghi thu:

Kế hoạch năm 2020 là 19,19 triệu m³; thực hiện đạt 20,86 triệu m³, tăng 4% so với kế hoạch năm.

Tỷ lệ chi cổ tức là 25% bằng tỷ lệ chia cổ tức năm 2019.



Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch năm 2020 là 36,5 tỷ, thực hiện đạt 57,7 tỷ, tăng 58% so với kế hoạch năm và tăng trưởng 7% so với thực hiện năm 2019.

Lợi nhuận sau thuế: Kế hoạch năm 2020 là 31,6 tỷ, thực hiện đạt 52,7 tỷ, tăng 66% so với kế hoạch năm và tăng trưởng 12% so với thực hiện năm 2019.

Trích quỹ đầu tư phát triển: 13,17 tỷ đồng

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 9,4 tỷ đồng

Nhìn những kết quả trên có thể đánh giá: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty đã hoàn thành mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông 2020 thông qua: Các chỉ tiêu Đại hội cổ đông năm 2019 đưa ra đều đạt và vượt kế hoạch; và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT:

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, tập thể lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ quản lý, người lao động. HĐQT đã điều hành linh hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững, hầu hết các chỉ tiêu theo kế hoạch Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra chúng ta đều đạt được và vượt so với kế hoạch.

Năm 2020 cũng là năm công ty thực hiện nhiều đầu tư thiết bị công nghệ, cải tiến hệ thống nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện thu nhập cho công nhân viên, người lao động, tạo môi trường làm việc tốt hơn cho người lao động. Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban giám đốc và cán bộ quản lý trong công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2020. Để hoàn thành được phương hướng hoạt động năm 2000 của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã triển khai quyết liệt, thực hiện đúng phương hướng hoạt động năm 2000 đã đề ra tại Báo cáo HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông 2020.

Hội đồng quản trị kết hợp Ban Giám đốc thực hiện lãnh đạo, kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng hàng tháng, quý của từng bộ phận, phòng ban, nhà máy trong đơn vị. Với tất cả sự cố gắng, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị, các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai kịp thời, đúng quy định. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được đã giúp công ty ngày càng phát triển, duy trì, củng cố lòng tin với khách hàng, nhà cung cấp, các cổ đông. Bên cạnh đó, việc thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Năm 2020, ngoài việc hàng quý tổ chức thực hiện các phiên họp định kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề về đầu tư theo quy chế quản lý đầu tư, chi cô tức, xây dựng chiến lược, ..., thì hội đồng quản trị còn thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị. Việc

5002
CÔNG
CỘ P
CẤP
INH
RANG

tổ chức các cuộc họp định kỳ, ban hành các Nghị quyết của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định nhằm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám đốc triển khai thực hiện. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đảm bảo theo đúng thời gian quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy mà mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, xong các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã hoàn thành tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty, tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 300 cán bộ, công nhân viên người lao động trong công ty.

- Nội dung chưa thực hiện:

Bên cạnh các kết quả đạt được trên, vẫn còn tồn tại khó khăn trong công tác đầu tư xây dựng. Cụ thể: Tiến độ triển khai 02 dự án trọng tâm của Công ty còn chậm (*Mở rộng nâng cấp nhà máy nước Tháp chàm công suất từ 52.000m³ ngày/đêm, lên 120.000m³ ngày/đêm, và xây dựng trạm tăng áp 36.000m³ng/đêm*). Công tác phát triển mạng lưới cấp nước chưa đạt kế hoạch, nguyên nhân do vướng công tác giải phóng mặt bằng và công tác cấp phép xây dựng.

4. Phương hướng hoạt động SX-KD năm 2021

Kế thừa những kết quả đã đạt được trong năm qua, Nhận định tình hình chính trị, kinh tế xã hội năm 2021 có những thuận lợi, nhưng cũng còn nhiều khó khăn, đặc biệt là suy thoái chung của nền kinh tế do dịch bệnh Covid 19 đầy phức tạp. Năm 2021 Công ty sẽ tiếp tục giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước mở rộng nâng công suất hoạt động các nhà máy, cải tạo hệ thống cấp nước cũ, chú trọng công tác giảm thất thoát nước.

Năm 2021, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

- Điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng công ty một cách linh hoạt phù hợp trên nguyên tắc chủ động nguồn nước cung cấp, liên kết mạng lưới khu vực đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn phục vụ. Cố gắng giảm chi phí trong giá thành nước, giảm tỷ lệ thất thoát, bảo toàn vốn chủ sở hữu, nộp thuế đầy đủ cho Ngân sách Nhà nước và đảm bảo lợi ích, đời sống cho người lao động.

136
TY
AN
SOK
HU
T.N

- Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.
- Đầu tư cho công tác quản lý nhân sự, đào tạo.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ.

5. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện:

HDQT Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng cách thực hành tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất. Năm 2021 tập trung các công việc sau:

Triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quy chế hoạt động của HDQT.

Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, nâng cao chất lượng cán bộ nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất. Tăng cường áp dụng công nghệ mới, công nghệ thông tin trong SX-KD và quản lý điều hành nhằm tăng hiệu quả hoạt động.

Tập trung chỉ đạo trong công tác chống thất thoát, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước từ 1-2% so với năm 2020.

Tiếp tục phát triển mạng lưới đường ống, phát huy hết công suất các nhà máy. Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp lại nhân sự với mục tiêu chuyên môn hóa để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của HDQT trong công tác quản lý điều hành năm 2020 và định hướng hoạt động trong năm 2021. Rất mong được lắng nghe các ý kiến đóng góp thiết thực của các đồng chí tham dự Hội nghị để công tác điều hành, lãnh đạo của HDQT ngày càng được tốt hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, trân trọng gửi tới toàn thể quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

Số: 43/BC-BKS

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 4 năm 2021



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021
NHIỆM KỲ III (2019 – 2024)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh và kết quả kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát (BKS), đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (Công ty) trong năm 2020 và xây dựng phương hướng hoạt động năm 2021 nhiệm kỳ III (2019 – 2024) như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 gồm có 3 thành viên:

- Bà Bá Bạch Thủy Tiên, Trưởng BKS (Chuyên trách);
- Bà Đinh Lê Ngọc Trâm, Thành viên BKS (Không chuyên trách);
- Bà Vũ Đình Trúc Vi, Thành viên BKS (Không chuyên trách).

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên BKS đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Trong năm 2020, BKS đã triển khai thực hiện các công tác như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận của Công ty;

- BKS đã duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty: đã cử thành viên tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT; đại diện BKS cũng tham dự các phiên họp giao ban định kỳ của Ban Giám đốc và một số cuộc họp khác có liên quan để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành tại Công ty;

- Thực hiện các công tác đúng theo kế hoạch hoạt động năm 2020 của BKS, bao gồm: Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty, thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện, kiểm soát công tác tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ và việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động trong Công ty;

- Thẩm định hồ sơ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 nhiệm kỳ III (2019 – 2024), gồm những nội dung sau:

+ Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019;

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;

+ Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

+ Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký của công ty năm 2019 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2020;

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020;

- Xem xét, lựa chọn và đề xuất đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty;

- Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS;

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của BKS để soát xét, thảo luận và đánh giá hoạt động của Công ty.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Số buổi họp: 8 buổi; Tỷ lệ tham dự: 100%; Tỷ lệ biểu quyết: 100%. Trong năm 2020, BKS đã tổ chức 08 cuộc họp với những nội dung như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung họp	Số thành viên tham dự
1	13/01/2020	Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.

2	05/03/2020	Thông qua kết quả thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Người quản lý và Người lao động thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
3	31/03/2020	Thông qua kết quả thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Người quản lý và Người lao động thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
4	01/04/2020	Thẩm định hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
5	10/04/2020	Thông qua các nội dung báo cáo của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2020 nhiệm kỳ III (2019 – 2024) của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
6	29/09/2020	Thông qua các nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận tại Thông báo số 32/TB-BKS ngày 01/9/2020.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
7	19/10/2020	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
8	23/12/2020	Thông qua các nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận tại Thông báo số 36/TB-BKS ngày 26/11/2020.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.

4. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

4.1. Tiền lương, thù lao của BKS năm 2020

Tổng tiền lương và thù lao của Ban Kiểm soát trong năm là **449.096.772 đồng**, cụ thể như sau:

5002
CỘNG
HÒA
CỘNG HÒA
CẤP
NINH
TRẦN

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng ban	340.505.952	TV chuyên trách
2	Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	53.412.000	TV không chuyên trách
3	Bà Vũ Đình Trúc Vi	Thành viên	53.412.000	TV không chuyên trách
	Tổng cộng		447.329.952	

4.2. Chi phí của BKS năm 2020: Áp dụng theo quy định chi tiêu nội bộ của Công ty.

5. Kết quả giám sát về tình hình hoạt động, thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty:

Trong năm 2020, Công ty đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định về pháp luật đối với một số công ty cổ phần đại chúng. Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh của Công ty và qua việc thẩm tra BCTC quý và năm 2020 của Công ty, BKS có đánh giá như sau:

5.1 Về tình hình hoạt động:

- Công tác tổ chức: Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo việc làm, cải thiện môi trường lao động nhằm đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động; tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, nhân viên trong Công ty. . .

- Tiền lương và chế độ đối với người lao động: Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định của Nhà nước.

- Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, Công ty đã hoàn thành nhiều công trình đầu tư XDCB để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao của khách hàng. Trong năm, ngoài công tác mở rộng mạng lưới cấp nước; Công ty tập trung nâng công suất khai thác cho các Nhà máy và cải tạo, sửa chữa, thay thế một số trang thiết bị phục vụ cho sản xuất nước sạch của các Nhà máy . . . Cải tạo một số hạng mục văn phòng Công ty và các nhà máy thuộc Công ty . . . ;

- Công tác sản xuất kinh doanh nước sạch: Công ty sản xuất nước sạch luôn được đảm bảo liên tục, đạt tiêu chuẩn quy định và cung cấp nước sạch ổn định 24/24 cho người tiêu dùng.

5.2. Về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và Kết quả sản xuất kinh doanh:

a. Về việc thực hiện chế độ kế toán:

- Các báo cáo tài chính quý và năm của Công ty luôn phản ánh trung thực, hợp lý với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm và được trình bày đúng theo quy định về các biểu mẫu báo cáo, thời gian báo cáo.

- Việc ghi chép, mở sổ sách kế toán được thực hiện theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán được lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, khoa học, dễ truy tìm, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính kịp thời theo đúng quy định của Luật chứng khoán;

b. Báo cáo tài chính

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh; Theo ý kiến của kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành. Ban Kiểm soát đã soát xét và thống nhất báo cáo ĐHCĐ như sau:

Tóm tắt một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ (%) TH2020/TH2019
A	Tổng tài sản	388.515	392.369	101%
I	Tài sản ngắn hạn	181.776	211.364	116%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.256	9.249	148%
2	Đầu tư Tài chính ngắn hạn	140.000	160.012	114%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	26.104	29.587	113%
	<i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn của KH</i>	<i>10.462</i>	<i>17.250</i>	<i>165%</i>
4	Hàng tồn kho	7.171	8.158	114%
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.245	4.358	194%
II	Tài sản dài hạn	206.739	181.005	88%
1	Tài sản cố định	198.728	172.750	87%
2	Tài sản dở dang dài hạn	1.458	2.275	156%
3	Tài sản dài hạn khác	6.553	5.980	91%
B	Tổng nguồn vốn	388.515	392.369	101%
I	Nợ phải trả	215.019	196.912	92%
1	Nợ ngắn hạn	61.402	80.136	131%
2	Nợ dài hạn	153.617	116.776	76%
II	Vốn CSH	173.496	195.457	113%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	94.908	94.908	100%
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.965	1.965	100%
3	Quỹ Đầu tư phát triển	18.764	32.871	175%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	57.859	65.713	114%

Qua số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán cho thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh và ổn định. Vốn chủ sở hữu luôn được bảo toàn và tăng trưởng qua các năm. Bên cạnh những kết quả đạt được nhưng vẫn còn tồn tại như:

Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2020 tăng so với năm 2019 là 6.788 triệu đồng, tỷ lệ tăng 65%. Tính đến ngày 31/12/2020, Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 17.250 triệu đồng, trong đó phải thu tiền nước của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 15.950 triệu đồng, đây là khoản chênh lệch tiền nước giữa giá nước mới với giá nước cũ phát sinh từ ngày 20/6/2018 đến ngày 31/12/2020.

Hiện tại, Công ty và Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải vẫn chưa ký hợp đồng cung cấp nước mới (với mức giá 7.000 đồng/m³), hai bên chưa thống nhất về số tiền nợ phải thu. Hàng tháng, Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải chỉ chấp nhận chuyển trả tiền nước cho Công ty theo đơn giá nước cũ là 2.845 đồng/m³. Sự việc này kéo dài từ tháng 11/2018 đến nay và trải qua ba phiên Tòa xét xử, với các bản án như: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận, Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Quyết định Giám đốc thẩm số 33/2020/KDTM-GĐT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bản án Giám đốc thẩm quyết định hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Tp. Phan Rang – Tháp Chàm xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Hiện nay, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đã quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm lại theo quyết định của Giám đốc thẩm.

c. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu tài chính đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ thực hiện 2020 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2020	TH 2019
1	Nước ghi thu (M3)	18.821.726	19.187.110	20.868.770	109%	111%
2	Tổng doanh thu	181.526	177.318	194.302	110%	107%
a	Doanh thu tiền nước	161.198	164.358	177.626	108%	110%
b	Doanh thu lắp đặt	5.731	4.120	6.126	149%	107%
c	Doanh thu tài chính	9.333	8.500	10.048	118%	108%
d	Doanh thu khác	5.264	340	502	148%	10%
3	Tổng chi phí	127.350	140.828	136.560	97%	107%
a	Giá vốn hàng bán	100.009	112.764	110.729	98%	111%
b	Chi phí HĐTC	8.021	7.121	7.120	100%	89%
c	Chi phí bán hàng	6.866	7.202	6.492	90%	95%
d	Chi phí QLDN	11.811	13.441	11.900	89%	101%
e	Chi phí khác	643	300	319	106%	50%
4	Lợi nhuận trước thuế	54.176	36.490	57.742	158%	107%
5	Thuế TNDN	7.152	4.818	5.037	105%	70%
6	Lợi nhuận sau thuế	47.024	31.672	52.705	166%	112%

Nhìn chung, Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững, đa phần vượt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra. Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt 194.302 triệu đồng, tương đương 110% so với kế hoạch năm 2020 và tăng trưởng 7% so với thực hiện năm 2019. Lợi nhuận sau thuế đạt 52.705 triệu đồng, tương đương 166% so với kế hoạch năm 2020 và tăng trưởng 12% so với thực hiện năm 2019.

Với kết quả đạt được trong năm 2020, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành công tác quản trị và điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

d. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	2,96	2,64
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	2,84	2,54
3	Hệ số khả năng thanh toán tức thời	0,10	0,12
II	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn		
1	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	0,55	0,50
2	Nợ dài hạn/tổng nguồn vốn	0,40	0,30
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
1	Vòng quay hàng tồn kho	10,74	14,45
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,43	0,47
IV	Lợi nhuận sau thuế		
1	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần (%)	28,17%	28,68%
2	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH bình quân (%)	29,04%	28,57%
3	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	14,08%	14,79%

Qua số liệu phân tích nêu trên cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty luôn đảm bảo; Chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn giảm dần qua các năm và luôn nhỏ hơn 1 điều đó cho thấy tài sản của Công ty được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn Chủ sở hữu, nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng nguồn vốn nên Công ty ít gặp khó khăn hơn trong việc điều hành tài chính của Công ty. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động tăng trưởng qua các năm. Các tỷ suất lợi nhuận sau thuế tăng trưởng và vượt mức so với năm 2019, riêng tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu có giảm nhưng không đáng kể. Đây là kết quả cố gắng cũng như nỗ lực điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

6. Giám sát việc tuân thủ:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện việc chỉ đạo kịp thời trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ;

- Công tác báo cáo, công bố thông tin được thực hiện minh bạch theo đúng nội dung quy định.

7. Đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp, thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản trị Công ty trong phạm vi, thẩm quyền của Hội đồng quản trị, được thể hiện cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn sát cánh với Ban Giám đốc trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát và đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh được thể hiện qua các nghị quyết và quyết định của HĐQT. Trong năm, HĐQT đã ban hành 32 Nghị quyết và 17 Quyết định, thông qua hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường; ban hành các Nghị quyết, Quyết định đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và giao cho Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện;

- Kiểm tra, thẩm định và đưa ra các quyết sách quan trọng trong việc đầu tư các dự án;

- Chỉ đạo công tác quản lý nhân sự; giải quyết tháo gỡ các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch đề ra.

8. Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện đúng, đầy đủ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy chế của Công ty. Trong năm, do ảnh hưởng dịch Covid 2019 nên việc tổ chức họp giao ban tập trung để giải quyết các vướng mắc trong điều hành không được thường xuyên nhưng Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành, giải quyết các vướng mắc trong công việc thông qua điện thoại, email và các phương tiện thông tin khác, trực tiếp triển khai thực hiện quyết liệt và nghiêm túc các định hướng chiến lược của Đại hội đồng cổ đông và các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, thực hiện đúng các quy chế quy định, các nguyên tắc hoạt động trong công tác quản lý tài chính, quản lý dự án, đầu tư, doanh thu, chi phí, tổ chức nhân

sự.... góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận năm 2020 vượt mức so với kế hoạch đã đề ra;

- Mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết;

- Công tác Tài chính Kế toán tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, thực hiện tốt các chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin định kỳ đối với Công ty đại chúng cho các Sở, ban ngành theo đúng quy định.

9. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty:

Trong năm 2020, giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty luôn duy trì tốt mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban Giám đốc được thực hiện phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ;

HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để góp ý kiến với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các cuộc họp của HĐQT và họp giao ban của Công ty, BKS đều được mời tham dự, thông qua đó BKS có cơ hội trao đổi, thảo luận trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2021 NHIỆM KỲ III (2019 – 2024):

- Năm 2021 một loạt các Luật và văn bản dưới luật thay đổi như Luật doanh nghiệp 2020, luật Chứng khoán 2019, Luật lao động 2019... vì vậy, Đề nghị Công ty rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và các quy chế, quy định không còn phù hợp với những quy định mới;

- Đẩy mạnh công tác đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, đáp ứng với nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao của khách hàng và có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng trong triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;

- Công ty quan tâm hơn nữa trong công tác chống thất thoát, nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty;

- Hoạch định, có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tổ chức sắp xếp bộ máy nhân sự sao cho phù hợp, hạn chế tuyển dụng, nâng cao năng suất lao động;

- Phối hợp giữa chính quyền và tổ chức đoàn thể; thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 NHIỆM KỲ III (2019-2024):

1. Thực hiện đúng và đủ chức năng nhiệm vụ của BKS, kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và quy chế quản trị Công ty;
2. Tổ chức họp định kỳ và bất thường (khi cần thiết);
3. Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Công ty;
4. Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty, thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện, kiểm soát công tác tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ và việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động trong Công ty;
5. Thẩm định hồ sơ trình ĐHĐCĐ thường niên hàng năm;
6. Thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
7. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;
8. Phát huy hơn nữa việc phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra những ý kiến đề xuất cho HĐQT, Ban Giám đốc Công ty trong tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2021 nhiệm kỳ III (2019-2024). Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- TV Ban kiểm soát C.ty;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký C.ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Bá Bạch Thủy Tiên

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Công ty Cổ phần Cấp nước báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2020/kế hoạch 2020
1	Nước ghi thu	m ³	19.187.110	20.868.770	108,76 %
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	177.318	194.302	109,58 %
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.490	57.742	158,24 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	31.672	52.705	166,41 %
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	175.273	195.457	111,52 %
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		392.369	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		26,85	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		13,43	

- Sau một năm triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự nỗ lực hết mình của toàn bộ cán bộ công nhân viên, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế

hoạch đề ra, đồng thời mở ra nhiều hướng đi mới tạo tiền đề phát triển trong tương lai.

2. Phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và kết quả đạt được.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty đã không ngừng cố gắng để thực hiện các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Năm 2020, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những mặt thuận lợi như sau:

- Các Nhà máy sản xuất đã được cải tạo, nâng cấp, qua đó tăng công suất năng lực cấp nước đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Hệ thống cấp nước tại các đô thị hoạt động ổn định;

- Công tác phát triển mạng lưới, phát triển khách hàng được quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận với dịch vụ cấp nước, góp phần tăng sản lượng nước và doanh thu;

- Công tác giải quyết các yêu cầu lắp mới, nâng, dời, kiểm định đồng hồ nước được thực hiện đúng quy trình, đúng thời gian quy định, đảm bảo hài lòng khách hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị.

Bên cạnh những thuận lợi còn có những khó khăn:

- Nguồn nước thô cung cấp cho các Nhà máy nước không ổn định về chất lượng, gây khó khăn trong sản xuất, làm tăng chi phí xử lý nước.

- Các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước khi triển khai bị vướng ở thủ tục xin phép khi buộc phải tự di dời, cải tạo mà không được đền bù khi có thu hồi của Nhà nước gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

- Hệ thống cấp nước do các đơn vị ngoài công ty đầu tư chưa đồng bộ, gây khó khăn về mặt áp lực nước cung cấp cho các hộ khách hàng;

- Dịch cúm Covid-19 cũng gây ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của đơn vị.

3. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Công ty đã thực hiện đầu tư một số công trình để đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng ngày càng cao như:

3.1 Xây dựng cơ bản.

Việc sử dụng vốn đầu tư vào công tác phát triển sản xuất, mở rộng mạng lưới cấp nước có hiệu quả, nâng cao được công suất khai thác cho các Nhà máy nước, thêm số hộ khách hàng mới sử dụng nước.

3.2. Danh mục các công trình xây dựng cơ bản thực hiện năm 2020.

- Công trình NMN Tân Sơn: Đường dây trung áp và trạm biến áp cấp điện cho Trạm bơm cấp I công suất: 160 kVA; Cải tạo Sân đường nội bộ và tường rào khuôn viên;... Trạm bơm cấp 2 (trạm bơm nước sạch); Cải tạo, tu sửa cửa lấy nước vào trạm bơm cấp I.

- Công trình Nhà máy nước Phước Dân; Xây dựng tường rào bao quanh Nhà máy nước Phước Dân.

- Công trình Nhà máy nước Tháp Chàm; Cải tạo sửa chữa trạm bơm cấp

- Lắp đặt máy bơm dự phòng 2.160 m³/h; Sửa chữa, cải tạo Trạm bơm tăng áp Phan Rang; Dự án: Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp chàm công suất 52.000m³/ ngày đêm lên 120.000.000m³/ ngày đêm; Sửa chữa cải tạo tuyến ống các khu vực TP. Phan Rang - Tháp Chàm;

- Lập dự án: Xây mới trạm bơm tăng áp số 2 khu vực Phan Rang.

3.3. Danh mục các công trình Mua sắm trang thiết bị, máy móc thực hiện năm 2020.

-Trang bị máy bơm thay thế máy bơm chìm công suất 230m³/h Trạm bơm cấp 1 – NMN Tân Sơn

- Mua máy in siêu tốc.

Thực hiện việc mua sắm vật tư sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, trang bị dụng cụ lao động theo đề xuất của các đơn vị trực thuộc của Công ty luôn đảm bảo chất lượng, nhanh chóng và giá thành hợp lý.

Các hạng mục XDCB sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy tốt hiệu quả, qua đó tăng được sản lượng nước, chất lượng nước ổn định;...

4. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

a. Các khoản phải thu:

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải thu cho từng khoản mục, từng đối tượng.

Đối với khoản phải thu tiền nước và thu tiền lắp đặt hệ thống nước được thực hiện theo đúng quy định của Công ty và được đối chiếu hàng tháng giữa các phòng ban và nhà máy trong Công ty.

Đối với khoản phải thu nội bộ của Công ty các cá nhân, bộ phận đã làm thủ tục hoàn trả ngay sau khi thực hiện xong công việc.

Đối với các khoản phải thu khác ngoài Công ty, Công ty thường xuyên đôn đốc, đối chiếu xác nhận và thu hồi công nợ.

Đối với khoản nợ phải thu khó đòi Công ty trích lập dự phòng theo quy định và phân công cho từng phòng, nhà máy và cá nhân liên quan đến các khoản nợ phải thu chịu trách nhiệm và tích cực đôn đốc thu hồi nợ. Đến thời điểm 31/12/2020 Công ty đã trích lập dự phòng số tiền: 5.161.398.970 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty có khoản phải thu tiền nước đối với khách hàng là Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải số tiền 15.950.398.784 đồng, chưa được đối chiếu công nợ do khách hàng không ký xác nhận. Đây là khoản phải thu tiền nước phát sinh từ ngày 20/6/2018 - thời điểm điều chỉnh giá nước cung cấp cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (điều chỉnh từ mức giá 2.845 đồng/m³ lên thành mức giá 7.000 đồng/m³).

b. Các khoản phải trả:

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải trả cho từng khoản mục, từng đối tượng.

Đối với khoản nợ vốn vay cho dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt ADB3, Công ty đã thực hiện trả nợ và lãi vay theo đúng thời hạn trả nợ trong hiệp định vay.

Các khoản thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn Công ty đã nộp theo đúng quy định của Nhà nước.

Đối với các khoản phải trả khác trong năm Công ty đã thanh toán ngay khi đến hạn, không để nợ quá hạn.

5. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo và nộp tiền vào ngân sách nhà nước đúng theo quy định.

II. Công tác lao động – tiền lương:

1. Công tác lao động:

- Công ty đã luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, thực hiện tái ký hợp đồng lao động cho người lao động đủ điều kiện.

2. Công tác tiền lương, tiền thưởng – thu nhập:

- Trong năm 2020, Công ty đã quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của người lao động, người quản lý; thực hiện thanh toán lương, thưởng cho người lao động, người quản lý theo đúng quy chế trả lương, trả thưởng.

3. Công tác pháp chế + an toàn lao động:

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hàng tháng Công ty tổ chức họp giao ban để chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị, tổ chức các buổi Hội nghị đối thoại giữa người lao động với lãnh đạo các phòng ban trong Công ty. Thông qua Hội nghị đối thoại, giúp cho ban lãnh đạo Cty nắm bắt và thấu hiểu những trăn trở, bức xúc của CBCNV, người lao động để giải quyết và khắc phục những thiếu sót, tồn tại, cũng như ghi nhận các ý kiến đóng góp để điều chỉnh các quy định, chính sách nội bộ phù hợp tình hình thực tế của Công ty.

- Công ty đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo an toàn lao động cho người lao động, trang bị đầy đủ và đúng chế độ các trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Đồng thời, mua bảo hiểm kết hợp con người cho toàn bộ người lao động.

- Về kiểm tra an toàn - bảo hộ lao động: thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh lao động ở các Nhà máy và các công trình. Qua kiểm tra cho thấy các đơn vị đã chấp hành đầy đủ các quy định về ATVS-LĐ theo đúng quy định, không có trường hợp vi phạm nào nghiêm trọng phải lập biên bản nhắc nhở, khắc phục.

- Đảm bảo bảo vệ trật tự, an ninh, phòng cháy chữa cháy tại các văn phòng, kho bãi công ty thực hiện tốt, không để xảy ra sự cố trong năm.

- Giải quyết khiếu nại tố cáo: không có

4. Công tác thi đua - khen thưởng:

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Khối thi đua Doanh nghiệp I, bộ phận phụ trách công tác Thi đua – Khen thưởng Công ty đã tích cực tham mưu cho Ban Lãnh đạo thực hiện việc đăng ký nội dung và danh hiệu thi đua năm 2021; tổ chức, phát động các phong trào thi đua hưởng ứng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước gắn với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Công tác thi đua khen thưởng luôn được quan tâm, hàng quý có bình bầu thi đua, cuối năm chọn ra các nhân tố tích cực, qua đó tạo động lực cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Từ đó khuyến khích thi đua toàn Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

B. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2021.

1. Tình hình chung:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Phát triển thêm nhiều khu vực phục vụ khách hàng để tăng sản lượng. Chú trọng các giải pháp chống thất thoát, phấn đấu năm 2021 hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.

- Tiếp tục phát triển mạng lưới, phát huy hết công suất các nhà máy. Hoàn thành các dự án Cải tạo và nâng cấp nhà máy nước Tân Sơn, nhà máy nước Tháp Chàm, một phần dự án Trạm bơm tăng áp số 2 nhằm tăng năng lực cấp nước; cải tạo mạng ống cũ, tăng cường quản lý chống thất thoát, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2021 xuống còn ≤ 20 .

2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

2.1 Về công tác xây dựng cơ bản:

- Đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cấp cải tạo nâng công suất các Nhà máy trực thuộc Công ty như: Nâng cấp khu xử lý Nhà máy Nước Tháp Chàm 52.000m³/ngđ lên 120.000m³/ngđ; Nhà Máy Nước Phước Dân; từng bước nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m³/ngđ; xây dựng Trạm bơm tăng áp 2 công suất 36.000 m³/ngđ; Phối hợp với các chủ đầu tư Dự án, đầu tư đường ống cấp nước cho khu công nghiệp Du Long, cho các dự án du lịch khu vực Sơn Hải, Mũi Dinh và các dự án năng lượng tái tạo, các khách hàng lớn...

- Thực hiện đầu tư các hệ thống Scada, hệ thống điều khiển từ xa, hệ thống tự động hoá nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giám sát, quản lý vận hành.

- Mở rộng mạng lưới tại các khu vực phù hợp quy hoạch để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn quản lý.

- Cải tạo, sửa chữa các hạng mục tại các Nhà máy và văn phòng Công ty tạo môi trường làm việc khang trang, sạch đẹp, tăng vẻ mỹ quan Công ty.

- Cải tạo hệ thống cấp nước cũ, giảm tỷ lệ thất thoát.

- Thực hiện mua sắm theo đúng thủ tục của Nhà nước.

- Quản lý tốt xuất, nhập vật tư.

2.2 Chất lượng nước

- Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thô, nước sạch tại các nhà máy.

- Lắp đặt các thiết bị kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy và mạng lưới.

2.3 Giảm thất thoát - thất thu

- Phân đầu đạt tỷ lệ thất thoát dưới 20% trong vài năm đến, phát huy hiệu quả của phòng Quản lý mạng lưới.

- Lắp đặt một số đồng hồ kiểm soát thất thoát các khu vực. Đặt mới và thay thế ống thép các khu dân cư.

- Tiếp tục hoàn thiện chương trình GIS để tăng cường công tác quản lý.

- Tiếp tục triển khai việc thu tiền nước qua các ngân hàng. Nâng cấp chương trình eBilling để nâng cao hiệu quả quản lý, đã triển khai việc thu thập cập nhật thông tin khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, gắn hiệu quả giảm thất thoát thất thu với chế độ khen thưởng hợp lý.

2.4 Nâng cao chất lượng dịch vụ

- Tăng cường, cải tiến hoạt động của các nhóm chăm sóc khách hàng. Kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố và các kiến nghị của khách hàng.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên, đào tạo các nhân viên tiếp xúc với khách hàng luôn có thái độ thân thiện, hỗ trợ khách hàng.

2.5 Quản lý đầu tư

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư, đảm bảo hiệu quả đúng quy định.
- Tăng cường chất lượng thi công, chất lượng tư vấn thiết kế, giám sát.

2.6 Các vấn đề khác

- Ổn định môi trường làm việc, nâng cao mức thu nhập cho cán bộ công nhân viên
- Sắp xếp bộ máy quản lý phù hợp với thực tế sản xuất, thực hiện tốt nội quy, quy chế của Công ty, áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành.
- Duy trì các hoạt động văn hóa, xã hội tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

3. Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021
1	Nước ghi thu	m ³	21.306.291
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	193.126
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	181.426
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Doanh thu tài chính + thu nhập khác	Triệu đồng	6.500
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	45.877
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	40.160
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	189.955

Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.



Đình Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 415/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
(Thành lập tại Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đinh Ân	Giám đốc
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cẩm	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/6/2020)
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2020)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đinh Ân – Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Số: 025 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021 từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, liên quan đến khoản phải thu tiền nước từ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải. Hiện tại, Công ty và Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải chưa ký hợp đồng cung cấp nước theo mức giá mới, hai bên chưa thống nhất về số tiền nợ phải thu. Theo quyết định Giám đốc thẩm số 33/2020/KDTM-GĐT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Tp. Phan Rang – Tháp Chàm xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4262-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.363.905.610	181.775.488.150
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.249.199.930	6.255.588.563
1. Tiền	111	4	9.249.199.930	6.255.588.563
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.012.400.000	140.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	160.012.400.000	140.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.586.603.376	26.103.902.001
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.249.943.749	10.462.226.711
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.000.000	25.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.473.058.597	18.256.065.390
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.161.398.970)	(2.639.390.100)
IV. Hàng tồn kho	140	9	8.158.348.302	7.171.083.138
1. Hàng tồn kho	141		8.158.348.302	7.171.083.138
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.357.354.002	2.244.914.448
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	863.686.175	384.596.697
2. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.493.667.827	1.860.317.751
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.004.911.809	206.739.418.786
I. Tài sản cố định	220		172.749.617.667	198.728.053.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	172.355.719.500	198.137.271.161
- Nguyên giá	222		469.497.016.176	466.868.904.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(297.141.296.676)	(268.731.633.755)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	393.898.167	590.781.840
- Nguyên giá	228		2.832.118.363	2.712.118.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.438.220.196)	(2.121.336.523)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.274.965.845	1.457.688.879
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.274.965.845	1.457.688.879
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.980.328.297	6.553.676.906
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.980.328.297	6.553.676.906
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		392.368.817.419	388.514.906.936

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		196.912.178.486	215.018.746.283
I. Nợ ngắn hạn	310		80.136.258.320	61.402.294.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	3.842.004.467	8.139.236.162
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		611.694.252	202.786.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	68.483.419	46.738.260
4. Phải trả người lao động	314		5.350.981.125	5.156.088.232
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.617.333.836	8.660.713.211
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.697.273	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	44.780.538.278	23.119.728.219
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	15.144.245.028	15.144.245.028
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.719.280.642	932.758.099
II. Nợ dài hạn	330		116.775.920.166	153.616.452.172
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	25.170.329.312	46.866.616.290
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	91.604.981.765	106.749.226.793
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		195.456.638.933	173.496.160.653
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	195.456.638.933	173.496.160.653
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.870.997.543	18.763.917.911
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.712.086.474	57.858.687.826
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.856.693.926	12.855.089.052
- LNST chưa PP năm nay	421b		51.855.392.548	45.003.598.774
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		392.368.817.419	388.514.906.936



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	183.752.348.249	166.928.498.386
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	183.752.348.249	166.928.498.386
3. Giá vốn hàng bán	11	21	110.729.322.902	100.009.200.535
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		73.023.025.347	66.919.297.851
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.048.024.933	9.332.992.976
6. Chi phí tài chính	22	24	7.119.863.035	8.020.822.362
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.119.863.035	8.020.822.362
7. Chi phí bán hàng	25	25	6.491.953.303	6.866.013.551
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.899.874.587	11.810.755.461
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		57.559.359.355	49.554.699.453
10. Thu nhập khác	31		501.934.075	5.264.077.838
11. Chi phí khác	32		318.983.297	642.944.799
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		182.950.778	4.621.133.039
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.742.310.133	54.175.832.492
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.036.917.585	7.152.233.718
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		52.705.392.548	47.023.598.774
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.652	4.092



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.742.310.133	54.175.832.492
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	28.726.546.594	27.006.152.653
- Các khoản dự phòng	03	2.522.008.870	2.052.188.152
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.048.024.933)	(8.736.604.964)
- Chi phí lãi vay	06	7.119.863.035	8.020.822.362
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	86.062.703.699	82.518.390.695
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(7.570.893.364)	(4.071.661.784)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.183.467.110)	4.276.017.642
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.769.920.434	(9.829.099.443)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	94.259.131	476.739.465
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.204.409.699)	(8.105.369.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.000.000.000)	(9.454.542.344)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.192.937.160)	(6.959.870.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.775.175.931	48.850.605.207
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(17.575.876.337)	(20.885.662.291)
2. Tiền chi cho vay	23	(152.500.000.000)	(140.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	133.000.000.000	131.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.138.909.301	9.271.172.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.936.967.036)	(20.114.489.762)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.700.352.500)	(18.982.712.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.844.597.528)	(34.126.957.028)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.993.611.367	(5.390.841.583)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.255.588.563	11.646.430.146
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	9.249.199.930	6.255.588.563

Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty Cấp nước Ninh Thuận theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16 tháng 09 năm 2008 và thay đổi lần thứ tư theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 271 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 263 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với Chính sách Kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các bên liên quan (tiếp theo)

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đồng
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đồng
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	38.550.500	33.011.000
Tiền gửi ngân hàng	9.210.649.430	6.222.577.563
Cộng	9.249.199.930	6.255.588.563

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (i)	15.950.398.784	9.073.352.304
Khách hàng dùng nước	1.118.017.305	1.187.761.947
Các đối tượng khác	181.527.660	201.112.460
Cộng	17.249.943.749	10.462.226.711

- (i) Đây là khoản phải thu tiền nước phát sinh từ ngày 20/06/2018 – thời điểm điều chỉnh giá nước cung cấp cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (“Đông Mỹ Hải”) (điều chỉnh từ mức giá 2.845 VND/m³ lên thành mức giá 7.000 VND/m³) đến nay, Đông Mỹ Hải chỉ đồng ý thanh toán tiền nước theo đơn giá 2.845 VND/m³ và không chấp nhận thanh toán phần chênh lệch cao hơn đơn giá này. Cho đến hiện nay, Công ty và Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải vẫn chưa ký hợp đồng cung cấp nước theo đơn giá mới, cũng như chưa thống nhất về số tiền nợ phải thu nêu trên. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc điều chỉnh đơn giá nước này là phù hợp với các quy định, hướng dẫn về việc xác định đơn giá nước điều chỉnh đối với Đông Mỹ Hải. Tại thời điểm 31/12/2020, giá trị khoản phải thu tương ứng với mức giá 2.845 VND/m³ là 362.899.665 VND, phần còn lại của khoản phải thu là phần tương ứng với mức chênh lệch đơn giá nước mà 02 bên vẫn chưa thống nhất. Đến thời điểm lập báo cáo này, hai bên vẫn chưa thống nhất được các vấn đề nêu trên.

Theo Quyết định Giám đốc thẩm số 33/2020/KDTM-GĐT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Tp. Phan Rang – Tháp Chàm xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (i)	13.028.161.367	13.028.161.367
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	41.450.131	509.984.011
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.924.811.510	4.031.095.890
Tạm ứng	7.650.000	255.457.500
Phải thu khác	470.985.589	431.366.622
Cộng	17.473.058.597	18.256.065.390

(i) Đây là phần tiền đối ứng của Công ty chuyển cho Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận để thực hiện công trình Hệ thống cấp nước Cà Ná. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán (Xem thêm Thuyết minh số 17).

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	15.950.398.784	4.467.298.139	9.073.352.304	2.004.306.055
Khách hàng dùng nước	1.118.017.305	598.783.270	1.187.761.947	539.766.484
Các khách hàng khác	95.317.561	95.317.561	95.317.561	95.317.561
Cộng	17.163.733.650	5.161.398.970	10.356.431.812	2.639.390.100

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.283.148.550	-	3.083.846.594	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.813.911.152	-	3.813.911.152	-
Hóa chất tồn kho cuối năm	1.061.288.600	-	273.325.392	-
Cộng	8.158.348.302	-	7.171.083.138	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	92.128.544	220.483.739
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	658.639.881	57.093.958
Bảo hiểm kết hợp con người	112.917.750	107.019.000
Cộng	863.686.175	384.596.697
b) Dài hạn		
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí	5.276.465.673	5.808.490.662
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	585.515.453	745.186.244
Chi phí sửa chữa tài sản khác	118.347.171	-
Cộng	5.980.328.297	6.553.676.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Các khoản phải thu	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	366.310.490	3.716.083.236	3.349.772.746	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.718.675	5.036.885.510	7.000.000.000	2.123.833.165
Thuế thu nhập cá nhân	66.106.760	521.338.454	521.962.954	66.731.260
Thuế tài nguyên	-	-	16.229.840	16.229.840
Các loại thuế khác	1.267.181.826	7.894.694.094	7.914.385.830	1.286.873.562
Cộng	1.860.317.751	17.169.001.294	18.802.351.370	3.493.667.827
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	68.483.419	-	68.483.419
Các loại thuế khác	46.738.260	394.793.940	441.532.200	-
Cộng	46.738.260	463.277.359	441.532.200	68.483.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu năm	62.136.438.064	31.956.047.080	371.584.440.718	638.704.344	553.274.710	466.868.904.916						
- Mua trong năm	-	480.934.544	-	444.450.000	-	925.384.544						
- Tặng từ XDCB hoàn thành	1.153.576.060	436.812.806	54.430.098	-	-	1.644.818.964						
- Tặng theo giá trị quyết toán	-	90.655.943	-	-	-	90.655.943						
- Giảm theo giá trị quyết toán	(7.112.727)	-	(25.635.464)	-	-	(32.748.191)						
Số dư cuối năm	63.282.901.397	32.964.450.373	371.613.235.352	1.083.154.344	553.274.710	469.497.016.176						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	27.364.324.680	20.037.059.986	220.238.780.114	538.194.265	553.274.710	268.731.633.755						
- Khấu hao trong năm	3.982.845.318	3.252.760.357	21.074.343.591	100.629.207	-	28.410.578.473						
- Giảm theo giá trị quyết toán	-	-	(915.552)	-	-	(915.552)						
Số dư cuối năm	31.347.169.998	23.289.820.343	241.312.208.153	638.823.472	553.274.710	297.141.296.676						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày đầu năm	34.772.113.384	11.918.987.094	151.345.660.604	100.510.079	-	198.137.271.161						
Tại ngày cuối năm	31.935.731.399	9.674.630.030	130.301.027.199	444.330.872	-	172.355.719.500						

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 69.458.816.505 VND (tại ngày 31/12/2019 là 69.323.734.687 VND) và nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 13.310.875.834 VND (tại ngày 31/12/2019 là 13.310.875.834 VND). Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm tạm không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 1.847.959.904 VND (tại ngày 31/12/2019: 2.186.885.111 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền khai thác nước mặt	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.697.072.000	466.500.000	548.546.363	2.712.118.363
- Đầu tư XDCB hoàn thành	120.000.000	-	-	120.000.000
Số dư cuối năm	1.817.072.000	466.500.000	548.546.363	2.832.118.363
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.640.717.748	12.332.270	468.286.505	2.121.336.523
- Khấu hao trong năm	81.220.429	155.499.996	80.163.248	316.883.673
Số dư cuối năm	1.721.938.177	167.832.266	548.449.753	2.438.220.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	56.354.252	454.167.730	80.259.858	590.781.840
Tại ngày cuối năm	95.133.823	298.667.734	96.610	393.898.167

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.881.993.454 VND (tại ngày 31/12/2019 là 1.290.048.000 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 148.824.000 VND (tại ngày 31/12/2019 là 148.824.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m ³ /ngày đêm	802.272.455	21.699.273
Nâng công suất Nhà máy nước Tháp Chàm	665.482.826	665.482.826
Sửa chữa, cải tạo Trạm bơm tăng áp Phan Rang	337.111.279	-
Gia cố Kênh Cầu Ngòi	252.540.516	257.260.516
Cải tạo kho chứa PAC Nhà máy nước Tháp Chàm	-	164.605.413
Các công trình khác	217.558.769	348.640.851
Cộng	2.274.965.845	1.457.688.879

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	1.343.911.500	1.343.911.500	1.395.000.000	1.395.000.000
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu Thái Đạt	692.340.000	692.340.000	-	-
Công ty TNHH Long Vĩnh	274.123.581	274.123.581	1.182.352.740	1.182.352.740
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế CPT	-	-	951.975.000	951.975.000
Công ty TNHH Bơm Ebara Việt Nam	-	-	877.140.000	877.140.000
Công ty Cổ phần thiết lập công nghệ thiết bị Systems	-	-	1.332.646.627	1.332.646.627
Các đối tượng khác	1.531.629.386	1.531.629.386	2.400.121.795	2.400.121.795
Cộng	3.842.004.467	3.842.004.467	8.139.236.162	8.139.236.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	564.635.123	649.181.791
Chi phí đi dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A theo hình thức hợp đồng BOT (i)	4.429.519.569	4.429.519.569
Chi phí đi dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A	3.320.876.356	3.320.876.356
Chi phí khác	302.302.788	261.135.495
Cộng	<u>8.617.333.836</u>	<u>8.660.713.211</u>

- (i) Đây là phần tạm kết chuyển tăng tài sản cố định đối với Tuyến đường ống Quốc lộ 1A theo hình thức hợp đồng BOT trong năm 2019 (thực hiện theo Kết luận thanh tra số 2608/KL-UBND ngày 19/6/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận).

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Khoản đền bù đi dời các tuyến ống nước (i)	22.356.489.806	22.356.489.806
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	21.696.286.978	-
Các khoản phải trả khác	727.761.494	763.238.413
Cộng	<u>44.780.538.278</u>	<u>23.119.728.219</u>
b) Dài hạn		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	25.170.329.312	46.866.616.290
Cộng	<u>25.170.329.312</u>	<u>46.866.616.290</u>

- (i) Trong đó bao gồm:

+ Khoản tiền nhận hỗ trợ đi dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 12.643.420.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

+ Khoản tiền nhận hỗ trợ đi dời của các dự án khác với số tiền 9.698.133.847 VND, hiện tại các dự án này vẫn đang trong quá trình quyết toán.

- (ii) Đây là giá trị xây dựng và cung cấp thiết bị của Hệ thống cấp nước Cà Ná do Công ty khai thác, vận hành và được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27/6/2014. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Theo công văn số 576/STC-VP ngày 01/3/2021 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc xử lý số tiền Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã trích khấu hao tại dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh Ninh Thuận xem xét thống nhất theo đề nghị của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận: tạm nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của Hệ thống cấp nước Cà Ná (tính đến ngày 31/12/2020) với số tiền là 21.696.286.978 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Nguồn vốn ADB (i)	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Nguồn vốn AFD (ii)	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000
b) Vay dài hạn	106.749.226.793	106.749.226.793	-	15.144.245.028	91.604.981.765	91.604.981.765
Nguồn vốn ADB (i)	100.770.712.696	100.770.712.696	-	13.436.095.028	87.334.617.668	87.334.617.668
Nguồn vốn AFD (ii)	5.978.514.097	5.978.514.097	-	1.708.150.000	4.270.364.097	4.270.364.097

(i) Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26/07/2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng VND tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 6 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01/12/2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý.

(ii) Khoản vay vốn AFD là khoản vay vốn theo Hợp đồng Tín dụng vốn ODA số 01/2003/TDNN ngày 28/05/2003 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PL-TDNN ngày 15/09/2011 với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Ninh Thuận. Công ty vay từ nguồn vốn AFD để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tổng số vốn vay là 18.943.147.000 VND, lãi suất đi vay 5,8%/năm kèm theo phí phải trả Ngân hàng là 0,2%/năm; Thời hạn vay 22 năm trong đó có 9 năm ân hạn bắt đầu từ ngày ký Hiệp định vay vốn 02/04/2002. Trong thời kỳ ân hạn, các khoản lãi phát sinh sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/5 và 01/11 hàng năm. Khoản vay được chia làm 26 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 31/10/2011.

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	60.576.980.112	60.576.980.112
Sau năm năm	31.028.001.653	46.172.246.681
	106.749.226.793	121.893.471.821
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	15.144.245.028	15.144.245.028
Số phải trả sau 12 tháng	91.604.981.765	106.749.226.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	16.943.189.709	36.521.473.475	150.338.218.100
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	47.023.598.774	47.023.598.774
Trích quỹ	-	-	1.820.728.202	(5.590.798.265)	(3.770.070.063)
Trả cổ tức	-	-	-	(18.981.682.000)	(18.981.682.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.020.000.000)	(2.020.000.000)
Điều chỉnh tăng theo Kết luận của Thanh tra tỉnh Ninh Thuận	-	-	-	1.852.821.706	1.852.821.706
Điều chỉnh giảm theo Kết luận của Thanh tra tỉnh Ninh Thuận	-	-	-	(1.243.629.273)	(1.243.629.273)
Điều chỉnh tăng theo Biên bản làm việc của Thanh tra Bộ Tài chính	-	-	-	401.593.722	401.593.722
Điều chỉnh giảm theo Biên bản làm việc của Thanh tra Bộ Tài chính	-	-	-	(80.318.745)	(80.318.745)
Giảm khác	-	-	-	(24.371.568)	(24.371.568)
Số dư đầu năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	18.763.917.911	57.858.687.826	173.496.160.653
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	52.705.392.548	52.705.392.548
Trích quỹ (i)	-	-	14.107.079.632	(20.274.923.475)	(6.167.843.843)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(850.000.000)	(850.000.000)
Tăng khác	-	-	-	32.075	32.075
Số dư cuối năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	32.870.997.543	65.712.086.474	195.456.638.933

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 342/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, Công ty thực hiện trích lập như sau:
- Quỹ đầu tư phát triển là 14.107.079.632 VND.
 - Quỹ khen thưởng của người lao động là 5.907.710.815 VND và Quỹ khen thưởng của viên chức quản lý là 280.133.028 VND (Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2019 để chi tiền thưởng cho người lao động và viên chức quản lý với số tiền là 2.020.000.000 VND, số trích lập bổ sung trong năm 2020 là 4.167.843.843 VND).
 - Quỹ phúc lợi là 2.000.000.000 VND (Trong năm 2019, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ phúc lợi năm 2019 với số tiền là 500.000.000 VND, số trích lập bổ sung năm 2020 là 1.500.000.000 VND).
 - Chi cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 23.727.102.500 VND (Cổ tức trên mỗi cổ phần là 2.500 VND/cổ phần).
- (ii) Theo Nghị quyết số 325/NQ-HĐQT ngày 22/04/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2020 để chi tiền thưởng cho người lao động, người quản lý Công ty với số tiền là 850.000.000 VND. Quyết định trích quỹ khen thưởng năm 2020 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021 của Công ty quyết định chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 thay đổi lần thứ 4 ngày 13/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31/12/2020, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	49.405.554.916	52,06%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	45.502.860.000	47,94%
- Do pháp nhân nắm giữ	41.854.960.000	44,10%	41.819.960.000	44,06%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	40.224.860.000	42,38%
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,05%
+ Đối tượng khác	630.100.000	0,67%	595.100.000	0,63%
- Do thể nhân nắm giữ	3.647.900.000	3,84%	3.682.900.000	3,88%
Cộng	94.908.414.916	100%	94.908.414.916	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 23.700.352.500 VND (năm trước là 18.982.712.000 VND).

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	177.625.763.393	161.197.619.377
Doanh thu lắp đặt ống nước	6.126.584.856	5.730.879.009
Cộng	183.752.348.249	166.928.498.386

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	106.074.962.510	95.547.308.214
Giá vốn lắp đặt ống nước	4.654.360.392	4.461.892.321
Cộng	110.729.322.902	100.009.200.535

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.661.399.900	48.034.234.112
Chi phí nhân công	33.500.089.275	31.231.829.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.726.546.594	27.006.152.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.274.020.541	5.359.889.277
Chi phí khác	7.959.094.482	7.053.863.636
Cộng	129.121.150.792	118.685.969.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng.

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phát sinh trong năm là chi phí lãi vay.

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.854.890.573	2.031.227.744
Chi phí vật liệu, bao bì	4.408.771.291	4.795.581.052
Các khoản chi phí bán hàng khác	228.291.439	39.204.755
Cộng	6.491.953.303	6.866.013.551
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.990.233.274	2.241.064.224
Chi phí vật liệu quản lý	398.884.542	432.351.144
Chi phí khấu hao TSCĐ	862.936.524	921.634.155
Thuế, phí và lệ phí	1.111.608.015	999.834.495
Chi phí dự phòng	2.522.008.870	2.052.188.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.325.937	1.451.833.498
Các khoản chi phí bằng tiền khác	3.550.877.425	3.711.849.793
Cộng	11.899.874.587	11.810.755.461

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	57.742.310.133	54.175.832.492
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	3.028.001.050	2.661.138.625
Thu nhập chịu thuế	60.770.311.183	56.836.971.117
Thu nhập tính thuế	60.770.311.183	56.836.971.117
Thu nhập chịu thuế suất 10%	49.584.656.870	42.151.605.054
Thu nhập chịu thuế suất 20%	11.185.654.315	14.685.366.063
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.036.917.585	7.152.233.718
Chi phí thuế theo thuế suất 10%	4.958.465.687	4.215.160.505
Chi phí thuế theo thuế suất 20%	2.237.130.863	2.937.073.213
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định 144/2020/NĐ-CP	(2.158.678.965)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.036.917.585	7.152.233.718

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa, mức thuế suất này được công ty áp dụng từ ngày 01/01/2017.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP cho doanh nghiệp có doanh thu không quá 200 tỷ đồng/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.705.392.548	47.023.598.774
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(8.555.773.936)</u>	<u>(8.187.843.843)</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.149.618.612	38.835.754.931
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	<u>9.490.841</u>	<u>9.490.841</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>4.652</u></u>	<u><u>4.092</u></u>

Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số tạm ước tính. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021 của Công ty quyết định chính thức.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	106.749.226.793	121.893.471.821
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(9.249.199.930)</u>	<u>(6.255.588.563)</u>
Nợ thuần	97.500.026.863	115.637.883.258
Vốn chủ sở hữu	<u>195.456.638.933</u>	<u>173.496.160.653</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u><u>0,50</u></u>	<u><u>0,67</u></u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.249.199.930	6.255.588.563
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.512.503.245	25.313.460.490
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160.012.400.000	140.000.000.000
Tổng cộng	198.774.103.175	171.569.049.053
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	106.749.226.793	121.893.471.821
Phải trả người bán và phải trả khác	73.790.882.407	78.095.761.118
Chi phí phải trả	8.617.333.836	8.660.713.211
Tổng cộng	189.157.443.036	208.649.946.150

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Các khoản vay của Công ty là các khoản vốn vay ODA với lãi suất ưu đãi. Công ty đánh giá rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này ở mức thấp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> VND	<u>Sau 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.249.199.930	-	-	9.249.199.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.512.503.245	-	-	29.512.503.245
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160.012.400.000	-	-	160.012.400.000
Tổng cộng	198.774.103.175	-	-	198.774.103.175
Số cuối năm				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	31.028.001.653	106.749.226.793
Phải trả người bán và phải trả khác	48.620.553.095	25.170.329.312	-	73.790.882.407
Chi phí phải trả	8.617.333.836	-	-	8.617.333.836
Tổng cộng	72.382.131.959	85.747.309.424	31.028.001.653	189.157.443.036
Chênh lệch thanh khoản thuần	126.391.971.216	(85.747.309.424)	(31.028.001.653)	9.616.660.139
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.255.588.563	-	-	6.255.588.563
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.313.460.490	-	-	25.313.460.490
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000
Tổng cộng	171.569.049.053	-	-	171.569.049.053
Số đầu năm				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	46.172.246.681	121.893.471.821
Phải trả người bán và phải trả khác	31.229.144.828	46.866.616.290	-	78.095.761.118
Chi phí phải trả	8.660.713.211	-	-	8.660.713.211
Tổng cộng	55.034.103.067	107.443.596.402	46.172.246.681	208.649.946.150
Chênh lệch thanh khoản thuần	116.534.945.986	(107.443.596.402)	(46.172.246.681)	(37.080.897.097)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin rằng Công ty có thể tạo được luồng tiền phù hợp để thanh toán các nghĩa vụ nợ khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18; trong năm, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận		
Trả cổ tức	12.351.387.500	9.881.110.000
Công ty TNHH XD và TM Sơn Long Thuận		
Trả cổ tức	10.056.215.000	8.044.972.000

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.125.192.700	1.328.754.599
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng Quản trị	746.465.617	775.181.587
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát	514.744.152	507.951.072
	<u>2.386.402.469</u>	<u>2.611.887.258</u>

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số chưa thanh toán tại ngày 31/12/2020 là 778.122.738 VND (tại ngày 31/12/2019 là 14.389.421.515 VND), tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia không bao gồm số lãi dự thu tại ngày 31/12/2020 là 3.924.811.510 VND (tại ngày 31/12/2019 là 4.031.095.890 VND), tiền thanh toán lãi vay không bao gồm số lãi trích trước tại ngày 31/12/2020 là 564.625.123 VND (tại ngày 31/12/2019 là 649.181.791 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu và



Đình An
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	13.856.693.926	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	52.705.392.548	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	66.562.086.474	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2020:	22.783.791.700	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	13.176.348.137	e = (b * 25%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	9.358.664.404	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.858.664.404	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	2.500.000.000	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	248.779.159	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	43.778.294.774	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	23.727.102.500	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	2.500	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2021	20.051.192.274	j = h - i

2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 18/5/2021.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 21/6/2021.

Ghi chú: Thuyết minh các số liệu làm tăng giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển qua:

T T	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 chuyển sang	13.856.661.851	
2	Điều chỉnh tăng do giảm thuế TNDN phải nộp 2018	32.075	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 chuyển sang sau điều chỉnh	13.856.693.926	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 419/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: **Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán mức chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 cụ thể như sau:

1/ Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020:

a/ Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 404.611.200 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 267.062.400 đồng

Tổng cộng: 671.673.600 đồng

Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, sáu trăm đồng.

b/ Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:



01 người, mức chi là: 340.505.952 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 106.824.000 đồng

Tổng cộng: 447.329.952 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng.*

c/ Thư ký công ty:

01 người, mức chi là: 66.765.600 đồng

Bằng chữ: *Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng.*

Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.185.769.152 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, một trăm năm mươi hai đồng.*

2/ Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021:

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận kính trình Hội đồng quản trị kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021, cụ thể:

a/ Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 355.572.324 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 234.691.200 đồng

Tổng cộng: 590.263.524 đồng

Bằng chữ: *Năm trăm chín mươi triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm hai mươi bốn đồng.*

b/ Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 299.236.632 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 93.876.000 đồng

Tổng cộng: 393.112.632 đồng

Bằng chữ: *Ba trăm chín mươi ba triệu, một trăm mười hai ngàn, sáu trăm ba mươi hai đồng.*

c/ Thư ký:

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 58.672.800 đồng

Bằng chữ: *Năm mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn, tám trăm đồng.*

Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.042.048.956 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi sáu đồng.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.



Phạm Hữu Sơn



Số 44/TTr-BKS



TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

Căn cứ Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

1/ Đề xuất về tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;
- Là Công ty có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm;
- Có kinh nghiệm đã từng kiểm toán cho các đơn vị cấp nước;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp.

2/ Đề xuất về lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí nêu trên theo quy định

của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Bá Bạch Thủy Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 417/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển của Công ty,;

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.



Phạm Hữu Sơn

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 47/Tr-HDQT ngày 07/4/2021)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch Quý năm 2021				Ghi chú
				Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021	Quý IV/2021	
I	SẢN XUẤT - KINH DOANH							
1	Nước ghi thu		20.868.770	4.994.228	5.536.725	5.686.099	5.089.239	21.306.291
	+ M ³ nước ghi thu	m ³	18.809.640	4.474.466	4.992.797	5.133.374	4.576.405	19.177.042
	+ M ³ nước cung cấp ĐMH	m ³	1.647.115	426.030	426.528	436.352	414.219	1.703.129
	+ M3 Sơn Hải	m ³	412.015	93.732	117.400	116.373	98.615	426.120
2	Doanh thu	tr đ	194.302	45.690	50.108	51.388	45.940	193.126
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	163.137	38.833	43.332	44.552	39.718	166.435
	+ Doanh thu nước cung cấp ĐMH	tr đ	10.981	2.840	2.844	2.909	2.761	11.354
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	3.508	800	1.002	993	842	3.637
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	5.856	1.250	1.250	1.250	1.250	5.000
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	270	50	50	50	50	200
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	10.048	1.800	1.500	1.500	1.200	6.000
	+ Doanh thu khác	tr đ	502	117	130	134	119	500
3	Chi phí	tr đ	136.560	36.156	37.510	37.619	35.964	147.249
3.1	Giá vốn hàng bán	tr đ	110.730	29.366	30.736	30.904	29.266	120.272
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	48.159	12.215	13.542	13.908	12.448	52.113



STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch Quý năm 2021					Tổng 2021	Ghi chú
				Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021	Quý IV/2021			
	+ Chi phí nhân công	tr đ	23.269	6.000	6.000	6.000	6.000	24.000		
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	3.873	1.075	1.075	1.075	1.075	4.300		
	+ Ăn ca	tr đ	2.153	625	625	625	625	2.500		
	+ Kinh phí CD	tr đ	360	100	100	100	100	400		
	+ Khấu hao TSCD	tr đ	27.864	7.879	7.762	7.520	7.518	30.679		
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	5.052	1.472	1.632	1.676	1.500	6.280		
3.2	Chi phí tài chính	tr đ	7.120	1.601	1.578	1.521	1.478	6.178		
3.3	Chi phí bán hàng	tr đ	6.492	1.890	1.890	1.890	1.890	7.560		
	+ Chi phí nhân công	tr đ	1.855	625	625	625	625	2.500		
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	3.914	1.050	1.050	1.050	1.050	4.200		
	+ Chi phí khác	tr đ	723	215	215	215	215	860		
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr đ	11.899	3.219	3.226	3.224	3.250	12.919		
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.364	563	563	563	563	2.252		
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	255	75	75	75	75	300		
	+ Ăn ca	tr đ	49	14	14	14	14	56		
	+ Kinh phí CD	tr đ	24	7	7	8	8	30		
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	129	24	31	28	54	137		
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	863	194	194	194	194	776		
	+ Chi phí khác	tr đ	8.215	2.342	2.342	2.342	2.342	9.368		
3.5	Chi phí khác	tr đ	319	80	80	80	80	320		
4	Lợi nhuận trước thuế	tr đ	57.742	9.534	12.598	13.769	9.976	45.877		
5	Lợi nhuận sau thuế	tr đ	52.705	8.346	11.028	12.053	8.733	40.160		

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch Quý năm 2021					Ghi chú
				Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021	Quý IV/2021	Cộng 2021	
II	TÀI CHÍNH								
1	Vốn điều lệ	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908
2	Vốn chủ sở hữu	tr đ	196.306	169.169	181.222	189.955	189.955	189.955	189.955
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	32.871	32.871	32.871	32.871	32.871	32.871	32.871
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	66.562	39.425	51.478	60.211	60.211	60.211	60.211
3	Các khoản thuế, phí phải nộp	tr đ	18.502	4.820	5.036	4.196	4.196	4.196	18.250
	<i>Trong đó:</i>	tr đ							
3.1	Các khoản nộp NSNN	tr đ	17.428	4.531	4.739	3.930	3.930	3.930	17.137
	+ Thuế TNDN	tr đ	5.037	1.570	1.716	1.243	1.243	1.243	5.717
	+ Thuế GTGT	tr đ	3.350	500	500	400	400	400	1.800
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	186	8	8	8	8	8	32
	+ Quyền khai thác nước NMN Thấp Châm	tr đ	272	181	181	181	181	181	825
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	9	-	-	9	9	9	9
	+ Thuế môn bài	tr đ	9	-	-	-	-	-	9
	+ Phí BVMĐTĐNTSH	tr đ	8.565	2.272	2.334	2.089	2.089	2.089	8.745
3.2	Các khoản phí khác	tr đ	1.074	289	297	266	266	266	1.113
	+ Phí NTCN	tr đ	9	1	1	1	1	1	4
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	1.065	288	296	265	265	265	1.109
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	56%	12%	13%	9%	9%	42%	42%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch Quý năm 2021				Tổng 2021	Ghi chú
				Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021	Quý IV/2021		
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	22.349	-	10.809	-	10.598	21.407	
III PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ									
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	13.857					20.051	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	52.705					40.160	
3	Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	13.176					10.040	
4	Quỹ khen thưởng	tr đ	6.859					5.000	
5	Quỹ phúc lợi	tr đ	2.500					2.600	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	tr đ	249					232	
7	Chi cổ tức	tr đ	23.727					18.982	
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	20.051					23.957	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 418/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021.

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH MUA SẴM VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2021
(Kèm theo Tờ trình số 18/TT-HDQT ngày 07/4/2021)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2021	Kế hoạch năm 2021				Cộng năm 2021
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 chuyển qua	đồng	2.885.138.263	30.937.058.923	11.085.270.014	13.970.297.247	7.000.000.000	18.856.190.000	50.911.757.261
I	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng	331.845.000	28.502.498.000	8.650.709.091	13.970.297.247	7.000.000.000	18.856.190.000	48.477.196.338
I	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m ³ /ngày lên 120.000 m ³ /ngày	đồng	-	3.184.343.000	150.709.091	11.570.297.247	-	-	11.721.006.338
1.1	Chi phí tư vấn; chi phí giải phóng mặt bằng.....	đồng	-	3.184.343.000	150.709.091	3.620.297.247	-	-	3.771.006.338
a	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí tư vấn quản lý dự án	đồng			150.709.091	620.297.247			771.005.338
b	Giải phóng mặt bằng sân phơi bùn	đồng				3.000.000.000			3.000.000.000
c	Chi phí Lập ĐMT và Khai thác nước mặt	đồng							
1.2	Trạm bơm nước sạch: đường ống công nghệ; Máy bơm Q=1.500 m ³ /h, H=45 mét.....	đồng				4.150.000.000			4.150.000.000
a	Đường ống công nghệ Phan Rang	đồng				400.000.000			400.000.000
b	Máy bơm Q=1.500 m ³ /h, H=45 mét, Phan Rang	đồng				2.000.000.000			2.000.000.000
c	Đường ống công nghệ, Phước Dân	đồng				150.000.000			150.000.000
d	Máy bơm Q=560 m ³ /h, H=45 mét.	đồng				1.600.000.000			1.600.000.000
1.3	Trạm bơm nước thô: Đường ống công nghệ; Máy bơm Q=2.500 m ³ /h, H=25 mét; Điện động lực, điện điều khiển trạm bơm nước thô....	đồng				3.800.000.000			3.800.000.000

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2021	Kế hoạch năm 2021				Tổng năm 2021
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
a	Dường ống công nghệ	đồng				200.000.000			200.000.000
b	Máy bơm Q=2.500 m ³ /h, H=25 mét.	đồng			2.500.000.000				2.500.000.000
c	Cải tạo tủ điện, cấp điện và máng cáp	đồng			1.100.000.000				1.100.000.000
2	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trũng điểm đang phát triển	đồng	331.845.000	25.318.155.000	8.500.000.000	2.400.000.000	7.000.000.000	18.856.190.000	36.756.190.000
2.1	Hạng mục xây dựng: Sân nền, sân đường, hàng rào, thoát nước; Đường ống truyền tải; Hệ thống điện Scada; đường dây trung thế.....	đồng		14.211.965.000	8.500.000.000	2.400.000.000	7.000.000.000	7.750.000.000	25.650.000.000
a	Sân nền, sân đường, hàng rào, thoát nước	đồng				2.400.000.000			
b	Đường ống truyền tải	đồng			8.500.000.000				
c	Máy bơm cấp nước bổ sung TP. PRTC	đồng					4.800.000.000		
d	Đường dây trung thế	đồng					2.200.000.000		
e	Hệ thống điện + Scada + tủ điện	đồng						3.600.000.000	
f	Nhà trạm bơm	đồng						2.500.000.000	
g	Máy biến áp, máy phát điện	đồng						1.650.000.000	
2.2	Chi phí tư vấn ; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng.....	đồng	331.845.000	11.106.190.000					11.106.190.000
II	Dự phòng Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc các Nhà máy nước và Dự phòng mua sắm thiết bị	đồng	577.705.781	1.830.247.116	1.830.247.116				1.830.247.116
a	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc các Nhà máy nước Tháp Chàm; Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo Trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng	337.111.279	1.828.985.721	1.828.985.721				1.828.985.721

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2021	Kế hoạch năm 2021				Cộng năm 2021
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
b	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục Sửa chữa sân nền bê tông, thay mới cửa đi và cửa sổ nhà vệ sinh, nhà bếp NNM Tháp Chàm	đồng	23.966.502	1.261.395	1.261.395				1.261.395
c	Mua sắm thiết bị	đồng	216.628.000						-
III	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước Tân Sơn	đồng	693.944.234	53.693.931	53.693.931	-	-	-	53.693.931
1	Đường dây trung áp và trạm biến áp cấp điện cho trạm bơm cấp 1 thuộc công trình Nhà máy nước Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	đồng	480.494.087						-
2	Cải tạo, tu sửa cửa lấy nước vào trạm bơm cấp I Nhà máy nước Tân Sơn	đồng		43.902.766	43.902.766				43.902.766
3	Cải tạo Sân đường bộ bê tông và tường rào khuôn viên;... Trạm bơm cấp 2 (trạm bơm nước sạch) Nhà máy nước Tân Sơn	đồng	213.450.147	9.791.165	9.791.165				9.791.165
IV	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước Phước Dân	đồng	167.401.052	150.088.617	150.088.617				150.088.617
	Xây tường bao quanh nhà máy nước Phước Dân	đồng	167.401.052	150.088.617	150.088.617				150.088.617
V	Mua sắm trang thiết bị, máy móc	đồng	799.095.000	2.200.000	2.200.000				2.200.000
1	Trang bị thiết bị điều khiển và giám sát trạm bơm tăng áp Đông Mỹ Hải từ Nhà máy xử lý nước Tháp Chàm	đồng	146.795.000	2.200.000	2.200.000				2.200.000
2	Trang bị thay thế máy bơm chìm công suất 230 m ³ /h Trạm bơm cấp 1 - NNM Tân Sơn	đồng	312.400.000						-
3	Mua máy in siêu tốc	đồng	339.900.000						-
VI	Mở rộng và cải tạo sửa chữa các khu vực	đồng	315.147.196	398.331.259	398.331.259	-	-	-	398.331.259
I	Mở rộng tuyến ống các khu vực	đồng	54.860.907	110.000.000	110.000.000				110.000.000
-	Mở rộng mạng lưới KV PR	đồng	54.860.907						-
-	Mở rộng mạng lưới KV TC	đồng							-

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2021	Kế hoạch năm 2021				Tổng năm 2021
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
-	Mở rộng mạng lưới KV Thuận Nam	đồng	-	-	-	-	-	-	-
-	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Phước	đồng	-	110.000.000	110.000.000	-	-	-	110.000.000
-	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Sơn	đồng	-	-	-	-	-	-	-
-	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Hải	đồng	-	-	-	-	-	-	-
2	Cải tạo, sửa chữa, thay thế tuyến ống các khu vực	đồng	260.286.289	288.331.259	288.331.259	-	-	-	288.331.259
-	Cải tạo mạng lưới KV PR-TC	đồng	49.056.121	270.000.000	270.000.000	-	-	-	270.000.000
-	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Phước, Thuận Nam	đồng	157.142.583	18.331.259	18.331.259	-	-	-	18.331.259
-	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Sơn	đồng	54.087.585	-	-	-	-	-	-
B	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021	đồng			5.225.576.234	9.109.021.565	3.920.730.900	3.336.775.000	21.586.103.699
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	đồng			270.000.000	5.201.781.565	450.125.000	190.775.000	6.112.681.565
1.1	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng			270.000.000	1.701.781.565	-	-	1.971.781.565
1	Cải tạo sân nền, thoát nước, sơn sửa hàng rào trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng				419.749.347			419.749.347
2	Sơn sửa mái cho Khu xử lý 40.000m ³ /ngày	đồng				197.050.797			197.050.797
3	Sơn lang cang, thay gạch men tróc vỡ khu xử lý 40.000 m ³ / ngày đêm	đồng				504.981.421			504.981.421
4	Xây nhà bảo vệ trạm bơm tạm Trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng			270.000.000				270.000.000
5	Sơn sửa các khối nhà làm việc	đồng				580.000.000			580.000.000
1.2	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước Tân Sơn	đồng			-	-	-	190.775.000	190.775.000
1	Sơn, chống thấm khu vực nhà làm việc, nhà kho và khu vực trạm bơm cấp II	đồng						190.775.000	190.775.000
1.3	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước Phước Dân	đồng			-	2.000.000.000	250.125.000	-	2.250.125.000

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2021	Kế hoạch năm 2021				Cộng năm 2021
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	Chống thấm nhà làm việc NMN Phước Dân	đồng				178.125.000			178.125.000
2	Chống thấm nhà làm việc Trạm tăng áp Cà Ná	đồng				72.000.000			72.000.000
3	Thay bơm Trạm bơm nước sạch Nhà máy nước Phước Dân	đồng			2.000.000.000				2.000.000.000
I.4	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục tại Văn phòng Công ty	đồng				200.000.000			200.000.000
1	Cải tạo kho vật tư thành phòng làm việc và sơn, chống thấm khối văn phòng Công ty	đồng				200.000.000			200.000.000
I.5	Lập dự án các công trình chuẩn bị đầu tư	đồng					1.500.000.000		1.500.000.000
1	Lập dự án nâng công suất NMN Tân Sơn lên 10.000m ³ /ngđ	đồng					500.000.000		500.000.000
2	Lập hồ sơ phân kỳ đầu tư lắp đặt tuyến ống truyền tải D.200 song song tuyến ống QL.27 từ nhà máy đến tuyến đường liên thôn khu vực Quang Sơn	đồng					500.000.000		500.000.000
3	Lập dự án Nâng công suất trạm bơm NMN Phước Dân	đồng					500.000.000		500.000.000
II	Dự phòng Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các Nhà máy nước	đồng						1.500.000.000	2.500.000.000
III	Mua sắm trang thiết bị, máy móc	đồng					2.387.240.000	840.605.900	6.851.679.900
1	Biến tần 200kw dự phòng cho trạm tăng áp Phan Rang	đồng			255.794.000				255.794.000
2	Trang bị đồng hồ điện từ nước thô D.300 tại NMN Tân Sơn	đồng				189.200.000			189.200.000
3	Lắp đặt hệ thống dây điện chờ từ tủ điện trạm I đến vị trí máy phát điện tại trạm I NMN Tháp Chàm	đồng			150.000.000				150.000.000
4	Mua máy phát điện 600kVA tại Trạm I NMN Tháp Chàm	đồng			2.600.000.000				2.600.000.000

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2021	Kế hoạch năm 2021				Tổng năm 2021
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
5	Trang bị đồng hồ đo lưu lượng trên mạng lưới các tuyến ống song song dọc hai bên QL.27 (đồng hồ phát xung)	đồng			440.000.000				440.000.000
6	Lắp điều khiển từ xa trạm tăng áp Khánh Nhơn	đồng	309.020.000						309.020.000
7	Scada trạm bơm cấp I, cải tạo, nâng cấp tủ điện và tích hợp PLC điều khiển từ xa về trạm bơm cấp II, hệ thống chăm hóa chất tự động trạm II NMN Tân Sơn	đồng			618.040.000				618.040.000
8	Mua đồng hồ lưu lượng nước trạm I NMN Tháp Chàm	đồng			700.000.000				700.000.000
9	Thay đồng hồ tổng cũ đã bị hỏng tại 04 DMA tại khu vực	đồng			410.000.000				440.000.000
10	Lắp đặt Scada các khu vực	đồng							
10.1	Trạm Giám Sát Áp Lực I1 điểm cuối tuyến Tháp Chàm	đồng					414.509.700		414.509.700
10.2	Trạm Giám Sát Áp Lực 04 điểm cuối tuyến Ninh Hải	đồng					150.730.800		150.730.800
10.3	Trạm Giám Sát Áp Lực 02 điểm cuối tuyến Phan Rang	đồng					75.365.400		75.365.400
11	Lắp điều khiển từ xa trạm Trạm tăng áp Phước Dân	đồng	309.020.000						309.020.000
12	Mua máy khoan ngang đường	đồng				200.000.000			200.000.000
IV	Dự phòng mua sắm thiết bị	đồng			500.000.000		500.000.000		1.500.000.000
V	Mở rộng và cải tạo sửa chữa các khu vực	đồng	1.231.742.234		920.000.000	1.030.000.000	1.040.000.000		4.221.742.234
1	Mở rộng tuyến ống các khu vực	đồng			570.000.000		630.000.000		2.410.000.000
1.1	Mở rộng mạng lưới KV PR	đồng			180.000.000		180.000.000		720.000.000
1.2	Mở rộng mạng lưới KV TC	đồng			110.000.000		110.000.000		450.000.000
1.3	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Phước	đồng			60.000.000		60.000.000		240.000.000
1.4	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Sơn	đồng					60.000.000		120.000.000

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2021	Kế hoạch năm 2021				Cộng năm 2021
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1.5	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Hải	đồng			220.000.000	220.000.000	220.000.000	220.000.000	880.000.000
2	Cải tạo, sửa chữa, thay thế tuyến ống các khu vực	đồng			661.742.234	350.000.000	400.000.000	400.000.000	1.811.742.234
2.1	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Sơn	đồng			36.764.424	-	-	-	36.764.424
2.2	Cải tạo mạng lưới KV Thuận Nam	đồng			74.977.810	-	-	-	74.977.810
2.3	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Hải	đồng			200.000.000	-	-	-	200.000.000
2.4	Cải tạo sửa chữa thường xuyên	đồng			350.000.000	350.000.000	400.000.000	400.000.000	1.500.000.000
3	Thay đồng hồ tổng cũ đã bị hỏng tại 04 DMA tại khu vực	đồng				440.000.000			440.000.000
3.1	DMA 1: Đồng hồ D150 tại cầu Đạo Long	đồng							-
3.2	DMA 8: Đồng hồ D200 tại cầu Thành Hải	đồng							-
3.3	DMA 10: Đồng hồ D100 tại Bộ đội Biên phòng	đồng							-
3.4	DMA 11: Đồng hồ D100 tại Ngã tư Thống Nhất - Trần Phú	đồng							-
VI	Dự phòng Mở rộng, Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước	đồng			100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	400.000.000
	TỔNG CỘNG:	đồng	2.885.138.263	30.937.058.923	16.310.846.248	23.079.318.812	10.920.730.900	22.186.965.000	72.497.860.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUAN

TM: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÓ CHỦ TỊCH

CẤP NƯỚC

NINH THUAN

TP. PHAN RANG - T. L. H. H. H.

Phạm Hữu Sơn

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận ngày 28/4/2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 (tài liệu đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 nhiệm kỳ III (2019-2024) (tài liệu đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (tài liệu đính kèm), với một số chỉ tiêu hoạt động chính như sau:

Một số chỉ tiêu hoạt động chính trong năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2020/kế hoạch 2020
1	Nước ghi thu	m ³	19.187.110	20.868.770	108,76 %
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	177.318	194.302	109,58 %
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.490	57.742	158,24 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	31.672	52.705	166,41 %
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	175.273	195.457	111,52 %



T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2020/kế hoạch 2020
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		392.369	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		26,85	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		13,43	

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021
1	Nước ghi thu	m ³	21.306.291
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	193.126
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	181.426
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6.500
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	45.877
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	40.160
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	189.955

Điều 4. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 (tài liệu đính kèm).

Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	13.856.693.926	a

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	52.705.392.548	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	66.562.086.474	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2020:	22.783.791.700	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	13.176.348.137	e = (b * 25%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	9.358.664.404	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.858.664.404	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	2.500.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	248.779.159	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	43.778.294.774	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	23.727.102.500	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	2.500	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2021	20.051.192.274	j = h - i

Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 18/5/2021.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 21/6/2021.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 (tài liệu đính kèm)

Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020:

Hội đồng quản trị:

- + Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 404.611.200 đồng



+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 267.062.400 đồng

Tổng cộng: 671.673.600 đồng

Bằng chữ: *Sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, sáu trăm đồng.*

Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 340.505.952 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 106.824.000 đồng

Tổng cộng: 447.329.952 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng.*

Thư ký công ty:

01 người, mức chi là: 66.765.600 đồng

Bằng chữ: *Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng.*

Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.185.769.152 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, một trăm năm mươi hai đồng.*

Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021:

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận kính trình Hội đồng quản trị kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021, cụ thể:

Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 355.572.324 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 234.691.200 đồng

Tổng cộng: 590.263.524 đồng

Bằng chữ: *Năm trăm chín mươi triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm hai mươi bốn đồng.*

Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 299.236.632 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 93.876.000 đồng

Tổng cộng: 393.112.632 đồng

Bằng chữ: *Ba trăm chín mươi ba triệu, một trăm mười hai ngàn, sáu trăm ba mươi hai đồng.*

Thư ký:

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 58.672.800 đồng

Bằng chữ: *Năm mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn, tám trăm đồng.*

Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.042.048.956 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi sáu đồng.*

Điều 7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 (tài liệu đính kèm).

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 8. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (tài liệu đính kèm).

Điều 9. Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021 (tài liệu đính kèm).

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
CBTT Website Công ty;
Lưu: VT, HĐQT.



Phạm Hữu Sơn